

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Đ
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 10-9-2020
V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Lập
Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Thúy Hằng
Ông Nguyễn Mạnh Tiến

- Thư ký phiên tòa: Bà Hồ Thị Quyên, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Tú - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 9 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 44/2020/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 5 năm 2020 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2020/QĐXXST- HNGĐ ngày 21 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Thạch Thị Thanh H, sinh năm: 1994.

Địa chỉ nơi cư trú: Số .., ấp P, xã Phú T, huyện T, tỉnh Đồng Nai (có mặt).

2. *Bị đơn:* Anh Phạm Văn H, sinh năm: 1985.

Địa chỉ nơi cư trú: Số .., đường H, tổ dân phố .., thị trấn M, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ghi ngày 27 tháng 5 năm 2020 và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn Chị Thạch Thị Thanh H (chị Hằng) trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị H và Anh Phạm Văn H tự nguyện tìm hiểu yêu thương nhau, được hai bên gia đình cho phép tiến tới hôn nhân, có tổ chức đám cưới và đã đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn M, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng ngày 19/5/2014. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì đến năm 2016 phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chính là do không tìm

được tiếng nói chung trong cuộc sống gia đình, các mối quan hệ gia đình và xã hội, chính vì vậy vợ chồng thường xuyên cãi vã. Kể từ tháng 06 năm 2016 đến nay Chị H đã đưa cháu Thảo (*khi cháu Thảo khoảng 08 tháng tuổi*) về gia đình bố mẹ ruột tại ấp Phú Lợi, xã Phú Trung, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai sinh sống, trong thời gian vợ chồng sống ly thân Chị H và Anh H không quan tâm gì đến nhau, tình cảm giữa Chị H và Anh H không còn nên yêu cầu được ly hôn với Anh Phạm Văn H.

- Về con chung: Quá trình chung sống với anh Hoàng, giữa Chị H và Anh H có 01 con chung là cháu Phạm Thanh Thảo, sinh ngày 01/11/2015, sau khi sinh cháu Thảo được 08 tháng do vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, Chị H đưa cháu Thảo về nhà bố mẹ ruột sinh sống từ đó đến nay, ly hôn Chị H yêu cầu được nuôi cháu Thảo đến khi con thành niên, không yêu cầu Anh H phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Xác định không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung, nợ riêng: Xác định đến thời điểm hiện tại không có nợ chung, nợ riêng bất kỳ ai.

** Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm bị đơn Anh Phạm Văn H (anh Hoàng) trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung, nợ chung: Anh H thống nhất với nội dung đơn khởi kiện, lời trình bày của chị H. Anh H xác định sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian ngắn, đến năm 2016 phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chính là do không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống gia đình chính vì vậy vợ chồng thường xuyên cãi vã, từ tháng 06 năm 2016 vợ chồng sống ly thân, trong thời gian vợ chồng sống ly thân các bên không quan tâm gì đến nhau, tình cảm giữa Anh H và Chị H không còn, Chị H yêu cầu được ly hôn thì Anh H đồng ý. Tuy nhiên, Anh H cũng yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi con chung là cháu Phạm Thanh Thảo.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành hòa giải nhiều lần để các bên đương sự có cơ hội tự thỏa thuận với nhau về việc ly hôn, nuôi con chung nhưng các bên đương sự vẫn giữ nguyên yêu cầu (*tranh chấp*) được nuôi con chung nên vụ án không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa hôm nay:

Nguyên đơn Chị H vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin ly hôn, nuôi con; đề nghị Tòa án xem xét giải quyết được ly hôn với Anh H và đề nghị được quyền trực tiếp nuôi cháu Phạm Thanh Thảo, không yêu cầu Anh H phải cấp dưỡng; xác định không có tài sản chung, nợ chung, nợ riêng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn Anh H đồng ý ly hôn với chị H, đồng thời cũng yêu cầu Tòa án xem xét cho Anh H được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Phạm Thanh Thảo; xác định không có tài sản chung, nợ chung, nợ riêng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và đánh giá về việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng và đầy đủ theo quy định pháp luật về tố tụng.

- Nguyên đơn Chị H và bị đơn Anh H chấp hành đúng quy định tại các Điều 70, 71, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Đây là quan hệ tranh chấp về ly hôn, nuôi con chung thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng theo quy định tại Điều 28, 35, 39 của Bộ Luật tố tụng dân sự.

- Về quan hệ hôn nhân: Sau một thời gian chung sống Chị H và Anh H xảy ra mâu thuẫn, kể từ tháng 06 năm 2016 đến nay Chị H và Anh H không còn sống chung với nhau, Chị H đã đưa con về gia đình bố mẹ ruột tại ấp Phú Lợi, xã Phú Trung, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai sinh sống, trong thời gian vợ chồng sống ly thân các bên không quan tâm gì đến nhau, tình cảm giữa Chị H và Anh H không còn, Chị H xin ly hôn thì Anh H cũng đồng ý ly hôn với chị H. Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị H.

- Về con chung: Ly hôn Chị H yêu cầu được nuôi cháu Phạm Thanh Thảo đến khi con thành niên, không yêu cầu Anh H phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, Anh H cũng đề nghị được trực tiếp nuôi con, tuy nhiên từ trước đến nay cháu Thảo sống với mẹ và ông bà ngoại đã quen, mặt khác hiện tại cháu Thảo đang theo học tại trường Mẫu giáo Phú Trung. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử giao cháu Thảo cho Chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục khi ly hôn là phù hợp.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị H yêu cầu được nuôi con nhưng không yêu cầu Anh H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, không yêu cầu Tòa án xem xét nên không đề cập.

- Về tài sản chung: Chị H và Anh H không yêu cầu giải quyết về tài sản chung nên không xem xét.

- Về nợ chung: Chị H và Anh H xác định không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

- Về án phí: Đề nghị Hội đồng xét xử buộc Chị H phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định.

Các tài liệu, chứng cứ của vụ án:

- Tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn Chị H cung cấp tài liệu, chứng cứ gồm: 01 Giấy chứng nhận kết hôn (bản chính); 01 Giấy khai sinh mang tên Phạm Thanh Thảo (bản sao); 01 CMND mang tên Thạch Thị Thanh Hằng (bản sao); 01 sổ hộ khẩu mang tên chủ hộ ông Thạch Lớn (bản sao).

- Tài liệu, chứng cứ do bị đơn Anh Hchung cấp tài liệu, chứng cứ gồm: 01 CMND mang tên Phạm Văn Hoàng; 01 sổ hộ khẩu mang tên chủ hộ ông Phạm Văn Hùng (bản photocopy).

- Tài liệu, chứng cứ do Tòa án thu thập: 01 bản tự khai ngày 29/5/2020 của Chị Thạch Thị Thanh H; 01 bản tự khai ngày 14/7/2020 của Anh Phạm Văn H; 01 biên bản lấy lời khai của các đương sự ngày 14-8-2020; các biên lai thu tiền của trường Mầm non Phú Trung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ các ý kiến của các bên đương sự, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa.

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng; về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết của Tòa án:

Chị Hvà Anh Hchung sống và có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn M, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Được UBND thị trấn M đăng ký kết hôn số 30/2014; quyền 01/2014 vào ngày 19/5/2014, do vậy quan hệ hôn nhân giữa Chị Hvà Anh Hđược xác lập là hợp pháp. Quá trình chung sống do phát sinh mâu thuẫn Chị Hkhởi kiện yêu cầu ly hôn, nuôi con với anh Hoàng. Anh Hcó nơi cư trú tại thị trấn M, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Vì vậy, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự xác định quan hệ tranh chấp là vụ án “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” và Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng thủ tục tố tụng dân sự.

[2] Về áp dụng pháp luật nội dung:

[2.1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về hôn nhân thì thấy rằng: Sau khi kết hôn Chị Hvà Anh Hchỉ sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống không tìm được tiếng nói chung, vợ chồng không còn tin tưởng nhau nên vợ chồng thường xuyên cãi vã, mâu thuẫn gia đình được hai bên nội ngoại đã khuyên nhủ nhiều lần nhưng không có kết quả. Kể từ tháng 06 năm 2016 đến nay Chị Hvà Anh Hkhông còn sống chung với nhau, Chị Hđã đưa cháu Thảo về gia đình bố mẹ ruột tại ấp Phú Lợi, xã Phú Trung, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai sinh sống, trong thời gian vợ chồng sống ly thân các bên không quan tâm gì đến nhau, Chị Hxin ly hôn thì Anh Hcũng đồng ý ly hôn. Điều này cho thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa Chị Hvà Anh Hlà trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống hôn nhân căng thẳng không thể kéo dài. Vì vậy, căn cứ Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của Chị Hcho Chị Hđược ly hôn với Anh Hlà có cơ sở, phù hợp với thực tế.

[2.2] Về con chung: Theo giấy khai sinh (bản sao) của Ủy ban nhân dân xã Phú Trung, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai thể hiện họ tên cháu Phạm Thanh

Thảo, sinh này 01/11/2015 có họ tên người mẹ Thạch Thị Thanh Hằng, họ tên người cha Phạm Văn Hoàng. Căn cứ khoản 1 Điều 88 của Luật hôn nhân và gia đình thì xác định các cháu Phạm Thanh Thảo là con chung của Chị H và anh Hoàng.

Xét yêu cầu nuôi con của Chị H thì thấy rằng: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Chị H và Anh H đều xác định, sau khi sinh cháu Thảo khoảng 08 tháng, do vợ chồng xảy ra mâu thuẫn và không ở chung với nhau nên Chị H đã đưa cháu Thảo về gia đình bố mẹ ruột sinh sống cho đến nay. Hiện tại cháu Thảo đang sống ổn định, việc nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Thảo hàng ngày được Chị H và ông bà ngoại chăm sóc tốt; cháu Thảo còn khá nhỏ, đã sống với mẹ và ông bà ngoại một thời gian khá dài và đã quen với cách sống, sinh hoạt hàng ngày. Mặt khác, cháu Thảo đang theo học tại trường Mầm non Phú Trung để đảm bảo cho cháu Thảo ổn định, phát triển toàn diện, nhằm tránh sự thay đổi đột ngột có thể dẫn đến sự lo sợ và phát triển không bình thường cho cháu Thảo nên cần tiếp tục giao cháu Thảo cho Chị H là người trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

Xét yêu cầu nuôi con của Anh H thì thấy rằng: Anh H cũng thừa nhận trong thời gian cháu Thảo sống với mẹ thì việc chăm sóc, thăm nom, nuôi dưỡng, cấp dưỡng của Anh H là có phần hạn chế, Anh H cũng thừa nhận trong thời gian sống với mẹ thì cháu Thảo được nuôi dưỡng, chăm sóc tốt. Đặc biệt là ông bà ngoại dành tình thương cho cháu Thảo rất nhiều. Hơn nữa, tại phiên tòa Anh H cũng khẳng định do tính chất công việc (*lao động tự do*) nên phải thường xuyên đi làm trong trường hợp Tòa giao cháu Thảo cho anh nuôi thì việc chăm sóc hằng ngày anh phải nhờ bà nội (mẹ ruột) chăm sóc.

Từ những đánh giá, phân tích như trên, xét thấy cần giao cháu Thảo cho Chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp như lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị H yêu cầu được nuôi con nhưng không yêu cầu Anh H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết là phù hợp.

[2.4] Về tài sản chung: Chị H và Anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết là phù hợp.

[2.5] Về nợ chung: Chị H, Anh H xác định không có nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.6] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 5, khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Chị H khởi kiện ly hôn, nuôi con nên phải chịu nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật; Anh H không phải chịu án phí về cấp dưỡng nuôi con.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147; Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 5, khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Chị Thạch Thị Thanh H đối với Anh Phạm Văn H về việc *“Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”*.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho Chị Thạch Thị Thanh H được ly hôn với Anh Phạm Văn H. Quan hệ hôn nhân theo giấy chứng nhận kết hôn số 30/2014; quyền số 01/2014 ngày 19/5/2014 của Ủy ban nhân dân thị trấn M, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng chấm dứt kể từ ngày bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Giao cháu Phạm Thanh Thảo, sinh ngày 01/11/2015 cho Chị Thạch Thị Thanh H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con đến tuổi thành niên. Anh Phạm Văn H không phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Quyền đi lại thăm nom con, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con; quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con; thay đổi mức cấp dưỡng được thực hiện theo quy định Luật hôn nhân và gia đình.

3. Về án phí: Chị Thạch Thị Thanh H phải chịu nộp 300.000đ (*ba trăm ngàn đồng*) tiền án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm mà Chị H đã nộp là 300.000đ (*ba trăm ngàn đồng*) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0018220 ngày 29 tháng 5 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng, Chị H đã nộp đủ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án hôm nay (*ngày 10/9/2020*) để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng (02);
- VKSND tỉnh Lâm Đồng (01);
- VKSND huyện Đ (02);
- Chi cục THADS huyện Đ (02);
- UBND TT M, huyện Đ (01);
- Cổng thông tin điện tử Tòa án nhân dân;
- Các đương sự (02);
- Lưu: Hồ sơ vụ án; Ấn văn (03);

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Văn Lập